

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đức Hạnh**.

Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Tường** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết Đ1 đưa vụ án ra xét xử số 138/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1990.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang cư trú tại: Nhật Bản.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người được chị H ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án: Anh **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1995. Địa chỉ: thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Theo giấy ủy quyền ngày 16/02/2022. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn H2**, sinh năm 1987.

ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thanh H** trình bày: Chị và anh **Trần Văn H2** kết hôn

trên cơ sở tự nguyện, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 17/02/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh H2 đến năm 2019 thì chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Từ khi chị đi làm ăn xa vợ chồng không quan tâm đến nhau, không có tiếng nói chung, thiếu tôn trọng lẫn nhau và thường xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng và không có biện pháp tháo gỡ. Vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác Đ1 tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn H2.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Khánh Đ, sinh ngày 20/10/2009 và Trần Huy Đ1, sinh ngày 31/01/2015, hiện các con đang ở với anh H2. Do điều kiện đi làm ăn xa nên chị H đề nghị giao cả hai con chung cho anh H2 nuôi dưỡng và chị có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy Đ1 của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị H đang lao động tại Nhật Bản nên chị ủy quyền cho anh Nguyễn Văn H1 thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Tại các bản khai anh Trần Văn H2 trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị Thanh H có quan hệ hôn nhân như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì chị H có biểu hiện không chung thủy với anh, anh phát hiện nên có đánh chị H, chị H đã bỏ về nhà đẻ ở được một thời gian ngắn thì lại quay về chung sống nuôi con cùng anh. Sau khi quay lại với anh được khoảng một tháng chị H đòi đi lao động ở nước ngoài, anh không đồng ý nH2 chị vẫn đi, thời gian đầu chị có liên lạc về cho anh nH2 thời gian gần đây chị không liên lạc với anh nữa. Nay chị H có xin ly hôn, anh không đồng ý. Tuy nhiên chị H cương quyết ly hôn, anh cũng không có biện pháp khuyên bảo, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Anh H2 xác Đ1 vợ chồng có hai con chung như chị H trình bày là đúng. Ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con thành niên. Anh có trách nhiệm đối với con Trần Khánh Đ và yêu cầu chị H có trách nhiệm đối với con Trần Huy Đ1 là 3.000.000đ/ tháng cho đến khi con Trần Huy Đ1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người được chị H ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh Nguyễn Văn H1 trình bày: Anh nhất trí nhận ủy quyền của chị H, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị H biết, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn anh Trần Văn H2. Khi ly hôn chị nhất trí giao hai con cho anh H2 nuôi dưỡng. Anh H2 có trách nhiệm đối với con Trần Khánh Đ và yêu cầu chị có trách nhiệm đối với con Trần Huy Đ1 là

3.000.000đ/ tháng cho đến khi con Trần Huy Đ1 đủ 18 tuổi, chị H hoàn toàn nhất trí. Anh H1 đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Con chung của chị H, anh H2 là Trần Khánh Đ và Lê Huy Đ1 cùng có nguyện vọng được ở với anh H2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy Đ1 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ1 về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H ly hôn anh Trần Văn H2. Về con chung: Giao hai con chung Trần Khánh Đ và Trần Huy Đ1 cho anh H2 trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng tiền nuôi con Trần Huy Đ1 là 3.000.000đ/ tháng cho đến khi con Trần Huy Đ1 thành niên. Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy Đ1 của pháp luật.

NHẬN Đ1 CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận Đ1:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hiện chị đang làm ăn, sinh sống tại Nhật Bản. Bị đơn anh Trần Văn H2 có địa chỉ tại thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù, chị H không về Việt Nam tham gia tố tụng nh2 chị đã gửi các tài liệu gồm: Đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn yêu cầu trưng cầu giám Đ1, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và giấy ủy quyền về Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tòa án đã trưng cầu giám Đ1 dấu vân tay của chị H đối với các tài liệu này. Kết quả giám Đ1 cho thấy, dấu vân tay của chị H trong các tài liệu trên so với dấu vân tay in trong căn cước công dân của chị H là của cùng một người. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng Đ1 nội dung trong các văn bản mà chị H gửi về đúng là ý chí, nguyện vọng của chị, quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy Đ1 của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Văn H2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 17/02/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết

hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng nghi ngờ tình cảm của nhau nên anh H2 có đánh chị H và chị H đã bỏ về nhà đẻ ở. Sau đó vợ chồng quay lại chung sống với nhau nH2 cũng chỉ được một thời gian ngắn thì chị H lại đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Vợ chồng sống xa cách từ đó cho đến nay, thời gian đầu chị H có liên lạc về nhà nH2 đến nay không còn liên lạc nữa. Vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị H có đơn xin ly hôn, anh H2 không đồng ý ly hôn, tuy nhiên anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh xác Đ1 vợ chồng có mâu thuẫn nH2 anh không chủ động liên lạc với chị và chị H cương quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H2 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H được ly hôn anh H2.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh H2 có hai con chung là Trần Khánh Đ, sinh ngày 20/10/2009 và Trần Huy Đ1, sinh ngày 31/01/2015, hiện các con đang ở với anh H2. Do điều kiện đi làm ăn xa, chị H đề nghị giao cả hai con cho anh H2 nuôi dưỡng, anh H2 cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Anh H2 có trách nhiệm đối với con Trần Khánh Đ, chị H tự nguyện cấp dưỡng đối với con Trần Huy Đ1 là 3.000.000đ/ tháng cho đến khi con Trần Huy Đ1 đủ 18 tuổi. Các con chung của chị H và anh H2 cũng có nguyện vọng được ở với anh H2. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung Trần Khánh Đ và Trần Huy Đ1 cho anh H2 nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên là phù hợp với thực tế, phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con Trần Huy Đ1 là 3.000.000đ/ tháng cho đến khi con Trần Huy Đ1 đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh H2 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy Đ1 của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT Đ1:

Áp dụng Điều 51, Điều , Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ1 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H ly hôn anh Trần Văn H2.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Trần Văn H2 được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Khánh Đ, sinh ngày 20/10/2009 và Trần Huy Đ1, sinh ngày 31/01/2015 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng tiền nuôi con Trần Huy Đ1 là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 7/2022 cho đến khi con Trần Huy Đ1 đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nH2 được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2021/0000002 ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Nguyễn Văn H1 nộp thay). Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy Đ1 của pháp luật.

Anh Trần Văn H2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy Đ1 của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Trường